TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2024 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà R và ông T kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2023. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và ông T sống không chung thuỷ, hiện sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà Nguyễn Thị R xin được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

- Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Kiều T1, sinh năm 2004 (nữ), Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/9/ 2009 (nam) và Nguyễn Chí T2, sinh ngày

26/4/2022 (nam). Khi ly hôn con tên Nguyễn Kiều T1 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng ổn định nên bà R không yêu cầu giải quyết. Riêng 02 người con tên Nguyễn Chí L và Nguyễn Chí T2 thì bà R yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà R. Đồng thời, Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng ông T vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với ông T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Chí T.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Chí T kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2023 theo giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 18 tháng 8 năm 2023. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Chí T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị R xin ly hôn với ông Nguyễn Chí T là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và ông T sống không chung thuỷ, hiện ông T đã sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Về phía ông T đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà R, từ đó cho thấy ông T cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà R với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà R với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của bà R. Bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Chí T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị R xác định 03 người con tên Nguyễn Kiều T1, sinh năm 2004 (nữ), Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/9/ 2009 (nam) và Nguyễn Chí Tân, sinh ngày 26/4/2022 (nam). Khi ly hôn con tên Nguyễn Kiều T1 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng ổn định nên bà R không yêu cầu giải quyết. Riêng 02 người con tên Nguyễn Chí L và Nguyễn Chí T2 thì bà R yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Nguyễn Chí L thì cháu L có nguyện vọng sống chung với mẹ R nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu L. Đối với cháu Nguyễn Chí T2 hiện sống chung với bà R, cuộc sống của cháu đã được ổn định và ông T cũng không có phản đối việc yêu cầu nuôi con của bà R. Do đó, giao 02 người con tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/9/ 2009 (nam) và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 26/4/2022 (nam) cho bà Nguyễn Thị R được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con.

Ông Nguyễn Chí T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà Nguyễn Thị R phải chịu nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị R. Bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị R nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 27/9/ 2009 (nam) và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 26/4/2022 (nam).

Ông Nguyễn Chí T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị R phải chịu nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị R có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018875 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Tân Hưng Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo